TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỤC YÊN** **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:78/2019/HNGĐ-ST
Ngày 21 - 11 - 2019
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC YÊN TỈNH YÊN BÁI

Thành phần hội đồng xét xử gồm có:
Thẩm phán - chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Đỗ Quỳnh**.**
Các hội thẩm nhân dân:
1, Ông Hoàng Văn Công;
2, Bà Nguyễn Thị Mai Hương.
Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Hoàng Ngọc Triều, Thư ký Toà án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên tham gia phiên tòa: Bà Diêm Thị Thanh Tuyền, Kiểm sát viên.
Ngày 21 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lục Yên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 302/2019/TLST - HNGĐ ngày 25 tháng 9 năm 2019 về việc ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:
1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L
Địa chỉ: Thôn Làng Ch, xã A, huyện L, tỉnh YB; có mặt.
2. Bị đơn: Anh Đỗ Văn Q
Địa chỉ: Thôn Làng Ch, xã A, huyện L, tỉnh YB; được tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25 tháng 9 năm 2019 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn Chị Nguyễn Thị L trình bày:
Về quan hệ hôn nhân: Chị và Anh Đỗ Văn Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện tự nguyện, không ai ép buộc, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Việt Tiến, huyện BảoYên, tỉnh Lào Cai ngày 21-4-2000. Vợ chồng chung sống hoà thuận đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, vì các con còn nhỏ chị cố gắng chịu đựng, đến năm 2017 chị đã viết đơn khởi kiện được ly hôn với Anh Q. Do Anh Q hứa hẹn thay đổi chị đã rút yêu cầu khởi kiện Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án, thời gian gần đây Anh Q và chị có mâu thuẫn không thể hàn gắn quan hệ vợ chồng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do Anh Q hay uống rượu say, không quan tâm đến cuộc sống chung vợ chồng, hai người thường xảy ra cãi vã. Hiện tại chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái giải quyết cho chị được ly hôn với Anh Đỗ Văn Q.

Về con chung: Trong thời chung sống Chị L, Anh Q có hai con chung cháu Đỗ Thị Thùy Dung, sinh ngày 05-9-2000 đã trường thành, con thứ hai Đỗ Duy Hiển sinh ngày 13-9-2003. Con chung đang ở cùng anh, chị tại thôn Làng Ch, xã A, huyện L, tỉnh YB, khi ly hôn chị có quan điểm được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Hiển đến khi cháu trưởng thành, không yêu cầu Anh Q cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thu thập tài liệp chứng cứ theo yêu cầu của đương sự, tiến hành phiên mở phiên họp việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tại phiên tòa: Anh Q không có mặt không thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Chị L, tòa án đã lập biên bản không hòa giải được về con chung và đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về phía nguyên đơn Chị Nguyễn Thị L đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Đỗ Văn Q chấp hành chưa tốt không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

Áp dụng khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 10, Điều 11, Điều 12, Điều 51; Điều 56, Điều 81, Điều 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 5 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986; điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP, ngày 06-01-2016; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14; Ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về nội dung vụ án đề nghị:

1. Về quan hôn nhân: Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa Chị Nguyễn Thị L và Anh Đỗ Văn Q, hai bên kết hôn phải chấm dứt quan hệ vợ chồng.

2. Về con chung: Đề nghị xử giao cháu Đỗ Duy H, sinh ngày 13-9-2003 cho Chị Nguyễn Thị L được trực tiếp được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Đỗ Văn Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung,nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật là: 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Toà án thụ lý và giải quyết vụ án xác định mối quan hệ pháp luật vụ án ly hôn, theo đơn khởi kiện của Chị Nguyễn Thị L, do bị đơn có địa chỉ tại thôn Làng Ch, xã A, huyện L, tỉnh YB. Căn cứ thẩm quyền theo

lãnh thổ, được quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Tòa án nhân dân huyện Lục Yên có thẩm quyền giải quyết.

Hội đồng xét xử vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 do bị đơn Anh Đỗ Văn Q được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vắng mặt không có lý do.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và Anh Đỗ Văn Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Việt Tiến, huyện BảoYên, tỉnh Lào Cai ngày 21-4-2000, Hội đồng xét xử xét thấy thời điểm anh chị đăng ký kết hôn Chị L sinh ngày 10-12-1983 chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn (16 tuổi 4 tháng 12 ngày) như vậy việc đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Việt Tiến, huyện BảoYên, tỉnh Lào Cai đã vi phạm Điều 5 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986.

" Điều 5

Nam từ 20 tuổi trở lên, nữ từ 18 tuổi trở lên mới được kết hôn."

Quan hệ hôn nhân giữa Chị Nguyễn Thị L và Anh Đỗ Văn Q là quan hệ không hợp pháp do vậy không được pháp luật bảo vệ. Chị L có yêu cầu giải quyết ly hôn, cần hủy việc kết hôn trái pháp luật căn cứ vào Điều 10; Điều 11, Điều 12 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP, ngày 06 tháng 01 năm 2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình, có nội dung.

"Điều 4. Xử lý yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật

1……..

2. Trường hợp tại thời điểm kết hôn, hai bên kết hôn không có đủ điều kiện kết hôn nhưng sau đó có đủ điều kiện kết hôn quy định tại Điều 8 của Luật hôn nhân và gia đình thì Tòa án xử lý như sau:

a)……

b) Nếu một hoặc hai bên yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật hoặc có một bên yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân hoặc có một bên yêu cầu ly hôn còn bên kia không có yêu cầu thì Tòa án quyết định hủy việc kết hôn trái pháp luật. Trường hợp có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu Tòa án giải quyết thì quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ, con; quan hệ tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên từ thời điểm kết hôn đến thời điểm hủy việc kết hôn trái pháp luật được giải quyết theo quy định tại Điều 12 của Luật hôn nhân và gia đình."

Chị L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với Anh Q, do Anh Q không thể hiện quan điểm đối với yêu cầu của Chị L do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị L hủy kết hôn trái pháp luật theo quy định đã viện dẫn như trên.

[3] Về con chung: Trong thời kỳ chung sống anh, chị có hai con chung cháu Đỗ Thị Thùy D, sinh ngày 05-9-2000 đã trưởng thành Hội đồng xét xử không xét việc giao cho ai nuôi dưỡng, con thứ hai Đỗ Duy H sinh ngày 13-9-2003 con chung cháu H đang ở cùng anh, chị tại thôn Làng Ch, xã A, huyện L, tỉnh YB.

Xét thu nhập hiện tại Chị L có thu nhập khoảng 9.000.0000, đ (Chín triệu đồng), Anh Q không có thu nhập do phụ thuộc việc kinh doanh của Chị L,

hiện anh chị có ngôi nhà gỗ ba gian chỗ ở ổn định bảo đảm việc ăn, ở, học tập của con chung thể hiện biên bản xác minh ngày 01 tháng 11 năm 2019 tại thôn Làng Ch, xã A, huyện L, tỉnh YB.

Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên, cháu Hiển có nguyện vọng được ở với Chị L, xét tình hình thực tế của Chị Nguyễn Thị L có đủ điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con hàng ngày. Căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Đỗ Duy H cho chị Nguyễn Thị L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng cháu là hợp tình, hợp lý và cũng để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho cháu về ăn mặc, học hành cùng những điều kiện khác cho sự phát triển thể chất và tinh thần. Chị L không yêu cầu Anh Q cấp dưỡng nuôi con chung là có căn cứ cần được chấp nhận. Anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở căn cứ Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Về quyền kháng cáo : Các đương sự được kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật căn cứ Điều 271, Điều 273 BLTTDS.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986; Điều 10, Điều 11, Điều 12, Điều 51; Điều 56 Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP, ngày 06-01-2016; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1, Về quan hệ hôn nhân: Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa Chị Nguyễn Thị L và Anh Đỗ Văn Q, hai bên kết hôn phải chấm dứt quan hệ vợ chồng.

2, Về con chung: Chị Nguyễn Thị L trực tiếp, trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con chung cháu Đỗ Duy H, sinh ngày 13-9-2003 đến khi trưởng thành, Anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung, Anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3, Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải nộp 300.000,đ *(Ba trăm nghìn đồng chẵn)* tiền án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000,đ *(Ba trăm nghìn đồng chẵn)* theo biên lai số: AA/2017/0004614 ngày 25-9-

2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Xác nhận Chị L đã nộp đủ tiền án phí dân sự sở thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm Chị L có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Anh Q vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./

Nơi nhận
- TAND Tỉnh;
- VKSND Huyện;
- Thi hành án dân sự huyện;
- UBND A;
- UBND xã V, huyện B, tỉnh L C;
- Các đương sự;
- Lu HS,T.A,THS,

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đỗ Quỳnh